

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP CƠ SỞ VẬT CHẤT

Số liệu	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ	Phòng g học	Phòng g kiên cố	Phòng g bán kiên cố	Phòng g tạm	Phòng g học bộ môn	Phòng g kiên cố	Phòng g bán kiên cố	Phòng g tạm	Khố i phục vụ học tập	Phòng g kiên cố	Phòng g bán kiên cố	Phòng g tạm	Khối phòn g hành chính - quản trị	Phòng g kiên cố	Phòng g bán kiên cố	Phòng g tạm	Thư việ n
Năm học 2023 - 2024	81	66	66	0	0	15	15	0	0	5	84	0	0	1	7	0	0	1
Năm học 2024 - 2025	81	66	66	0	0	15	15	0	0	5	84	0	0	1	7	0	0	1

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁO DỤC 2023-2024

a) Xếp loại học lực:

	Tổng số học sinh	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH - ĐẠT		YẾU - CHƯA ĐẠT		KÉM	
		Số học sinh	%	Số học sinh	%	Số học sinh	%	Số học sinh	%	Số học sinh	%
KHỐI 6	919	495	53.86%	284	30.90%	120	13.06%	20	2.18%		0.00%
KHỐI 7	716	383	53.49%	204	28.49%	112	15.64%	17	2.37%		0.00%
KHỐI 8	561	265	47.24%	185	32.98%	93	16.58%	18	3.21%		0.00%
KHỐI 9	711	343	48.24%	233	32.77%	135	18.99%		0.00%		0.00%
TỔNG	2907	1486	51.12%	906	31.17%	460	15.82%	55	1.89%	0	0.00%

b) Xếp loại hạnh kiểm:

KHỐI LỚP	Tổng số học sinh	TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH - ĐẠT		YẾU - CHƯA ĐẠT	
		Số học sinh	%	Số học sinh	%	Số học sinh	%	Số học sinh	%
KHỐI 6	919	913	99.35%	6	0.65%		0.00%		0.00%
KHỐI 7	716	691	96.51%	21	2.93%	4	0.56%		0.00%
KHỐI 8	561	557	99.29%	4	0.71%		0.00%		0.00%
KHỐI 9	711	696	97.89%	14	1.97%	1	0.14%		0.00%
TỔNG	2907	2857	98.28%	45	1.55%	5	0.17%	0	0.00%

c) Kết quả bồi dưỡng HS giỏi lớp 9 cao nhất Quận:

Năm học	Số HS giỏi cấp quận	Số HS giỏi cấp thành phố			
		Tổng số	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba
2023-2024	84	33	2	7	24

PHỤ LỤC 3: SỐ LIỆU TB DẠY HỌC TỐI THIỂU CT 2018

Tổng Số lớp năm học 24-25: **72**

STT	Cấp học	Số thiết bị hiện có năm 2024	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu tối thiểu (%)	Số thiết bị dự kiến năm 2025
1	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Ngữ văn	0		172
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Toán	40	100%	284
3	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Ngoại ngữ	9		69
4	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục công dân	22		105
5	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lý	32		214
6	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Khoa học tự nhiên	619		154
7	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Công nghệ	4		224
8	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Tin học	245	100%	0
9	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục thể chất	154	100%	0
10	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Nghệ thuật	10		69
11	Thiết bị dạy học tối thiểu Hoạt động trải nghiệm	8		73
12	Thiết bị dạy học tối thiểu Thiết bị dùng chung	87		457
13	Thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục quốc phòng và An ninh	0		
14	Bàn ghế	1,450	100%	

Hiệu trưởng
(đã ký)

Trần Văn Luyện

